

VỀ HỌC THUYẾT LUÂN LÝ VÀ ĐẠO ĐỨC CỦA NHO GIÁO

MINH ANH(*)

Xã hội Trung Quốc thời Xuân Thu - Chiến Quốc là một xã hội đầy hỗn loạn và có nhiều biến động. Cùng với việc tranh quyền, đoạt lợi là các cuộc chiến tranh diễn ra liên miên, bất chấp đạo lý. Đây là thời kỳ mà các mối quan hệ giữa người với người cũng như các nguyên tắc luân lý đạo đức tốt đẹp của thời nhà Chu đã bị đảo lộn: cha không ra cha, con không ra con; vua không ra vua, tôi không ra tôi. Trước thực trạng xã hội đó, Nho giáo đã ra đời cùng với khát vọng đưa xã hội trở lại thời kỳ thanh bình và thịnh trị của thời đại Nghiêu, Thuấn. Vì thế, có thể nói, luân lý và đạo đức là vấn đề lớn nhất trong Nho giáo. Luân lý và đạo đức của Nho giáo bao trùm lên toàn bộ cuộc sống của con người, từ chính trị đến các vấn đề văn hóa - xã hội. Cũng giống như học thuyết chính trị, học thuyết luân lý và đạo đức của Nho giáo lấy đạo Nhân làm gốc. Bởi lẽ, nói đến cùng, Nhân tức là đạo làm người; chỉ có thực hiện đạo Nhân mới có thể khắc phục được thực trạng: bề tôi giết vua, con giết cha, em giết anh, bạn bè lán át nhau đang diễn ra như cơm bữa trong xã hội. Theo đạo đức và luân lý của Nho giáo thì cái đạo làm người thông thường trong thiên hạ có năm bậc. Nó phản ánh năm mối quan hệ phổ biến trong xã hội loài người. Đó là các mối quan hệ: Vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em và bầu bạn kết giao. Để có thể xử lý tốt năm mối quan hệ đó, con người cần phải có năm cái đức thông thường - đó là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Vì

vậy, vấn đề luân lý, đạo đức của Nho giáo, về thực chất, cũng chính là vấn đề giải quyết năm mối quan hệ đó trong xã hội. Việc Nho giáo giải quyết các mối quan hệ xã hội, cũng như việc nó có thể tồn tại được hơn 2000 năm qua đáng để chúng ta xem xét và kế thừa có chọn lọc những hạt nhân hợp lý của nó. Kế thừa và phát triển nó cho phù hợp với thực trạng của xã hội hiện nay. Trước hết, chúng ta hãy cùng xem Nho giáo giải quyết các mối quan hệ cơ bản trong xã hội như thế nào và chúng ta có thể kế thừa được những gì từ các tư tưởng đạo đức và luân lý của Nho giáo.

Thứ nhất, trong mối quan hệ vua - tôi, đạo đức và luân lý Nho giáo đòi hỏi phải có sự ứng xử qua lại của cả hai bên. Đó là vua phải biết đối xử với bề tôi, tôn trọng và quý mến bề tôi; còn bề tôi phải biết giữ đạo trung khi thờ vua. Nếu không làm được điều đó thì hậu quả tất yếu là bề tôi giết vua. Bởi lẽ, nếu "vua mà coi bề tôi như tay chân, ắt bề tôi sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi bề tôi như chó ngựa, ắt bề tôi sẽ coi vua như kẻ qua đường. Vua mà coi bề tôi như bùn rác, ắt bề tôi sẽ coi vua như kẻ cướp người thù" (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, tiết 3). "Trung", theo Nho giáo, đó là phải biết giúp cho vua đi vào con đường đạo đức, dồn hết tâm trí để làm việc nhân. "Trung" là không được đối gạt vua và cũng không sợ làm méch lòng vua. "Trung" cũng tức là phải biết đặt lợi ích của đất nước (cũng có nghĩa là của nhà vua) lên trên hết, phải biết đem đạo lý mà

(*) Nghiên cứu viên, Viện Triết học.

thờ vua, việc gì có ích cho nước, có lợi cho dân thì giúp cho vua làm. “Trung” còn có nghĩa là, một mặt, phải biết can gián vua khi vua làm những việc trái với đạo lý; mặt khác, không được vào hùa theo vua khi vua lầm lỗi, không được đón trước ý xấu của vua rồi khêu gọi cho vua lầm lỗi. Vào hùa với vua khi vua lầm lỗi hoặc khêu gọi cho vua lầm lỗi là bất trung. “Trung” cũng có nghĩa là cung và kính. “Người nào nhắc nhở những việc khó để vua làm, thì người ấy có nét cung; người nào bày tỏ điều thiện đức, ngăn cản việc tà khuất, thì đối với vua, người ấy có đức kính. Còn kẻ nào nói vua ta chẳng có sức làm thiện làm nhân, kẻ ấy làm hại vua vậy” (Mạnh Tử, Ly lâu thượng, tiết 1). Như vậy, để vua tôi thuận hòa, bề tôi cần phải có đức trung trong mọi công việc được vua giao. Ngược lại, vua cần phải giữ lễ trong việc sai xử bề tôi, nghĩa là không được dựa vào quyền hành và thân thế mà đối xử với bề tôi. Lễ ở đây còn có nghĩa là vua phải biết tôn trọng người hiền tài, phải biết lắng nghe lời can gián của bề tôi. “Bề tôi can gián thì vua theo, nói phải thì vua nghe, ơn huệ thấm xuống dân. Bề tôi vì một lẽ gì đó mà phải bỏ nước ra đi, ắt vua sai người hộ tống đến miền cương giới. Trước đó, vua còn có lời gửi gắm người quan cũ của mình tới vị vua trong nước mà người sắp đến. Quá 3 năm mà người chẳng trở về, chừng đó vua mới lấy lại ruộng đất và dinh thự của người. Đó gọi là ba việc có lễ của vua đối với bề tôi” (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, tiết 3).

Quan hệ vua - tôi, theo Nho giáo, ngoài chiều thuận còn có chiều nghịch. Đức trung ở Nho giáo cũng có sự quyền biến. Nho giáo đòi hỏi người quân tử cần phải biết mình đang phục vụ ông vua nào. Nếu là phục vụ một ông vua mà kẻ bề tôi can gián không nghe, nói phải không theo và ơn huệ thì không thấm được xuống dân,

một ông vua mà vì một lẽ gì đó, bề tôi phải bỏ nước ra đi thì bị bắt giữ lại, nếu đi thoát được thì lại tìm mọi cách gây khó khăn, làm cho bề tôi phải khốn khổ ở nơi mới đến, một ông vua mà ngay trong ngày bề tôi ra đi đã cho tịch thu hết ruộng nương nhà cửa, một ông vua như thế đối với bề tôi chỉ còn là giặc cướp, cừu thù. Đã là giặc cướp cừu thù mà còn trung, thì đó là ngu trung. Do đó, theo Nho giáo, nếu vua bạo ngược, sẵn sàng ra lệnh giết kẻ sĩ vô tội, thì quan đại phu nên bỏ nước mà đi, giết dân vô tội thì kẻ sĩ nên liều mà dời chân.

Thứ hai, trong mối quan hệ cha - con, Nho giáo đòi hỏi người làm cha phải có đức tính nhân từ, người làm con phải có đức hiếu đễ. Theo Nho giáo, hiếu là để thờ cha mẹ; nó là gốc của đức nhân. Khi nói tới đức nhân tức là nói đến lòng yêu thương người, mà muốn yêu thương người thì trước hết phải biết yêu thương cha mẹ mình, anh em mình. Nho giáo cho rằng, người mà không biết yêu thương cha mẹ lại có thể đem lòng yêu thương người khác là điều không thể có được. Vì thế, suy đến cùng, đạo của vua cũng là ở đức hiếu đễ (Mạnh Tử). “Trong những người có nét hiếu, nét đễ, ít ai ưa trái nghịch với bề trên. Đã không ưa trái nghịch với bề trên, lại thích gây ra những cuộc phản loạn, người như vậy ta chưa từng thấy. Cho nên bậc quân tử chuyên chú vào việc gốc. Cái gốc được vững tốt, tự nhiên đạo lý bắt đầu từ đó mà sinh ra. Vậy làm người mà biết giữ gìn nét hiếu, nét đễ, tức là biết nắm lấy cái gốc đó” (Luận Ngữ, Vi chính, tiết 2). Đối với Nho giáo, hiếu là cái đạo phải làm của mỗi con người sống trong xã hội. Trong xã hội, việc phải làm đầu tiên của mỗi người là cần chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để có thể “lập thân, hành đạo, nêu cao thanh danh đến đời sau để làm vinh hiển cho cha mẹ” (Hiếu Kinh). Như vậy, hiếu đòi hỏi người làm con phải:

Thứ nhất, có trách nhiệm làm cho cha mẹ mình được xã hội tôn trọng, mà chỗ làm cho cha mẹ được tôn trọng chí cực, không gì bằng đem cả thiên hạ mà phụng dưỡng cha mẹ. *Thứ hai*, giữ được địa vị của ông cha, làm theo lễ của ông cha, tấu nhạc như ông cha, kính những người mà ông cha trọng, mến những người mà ông cha yêu, thờ người thác như thờ người sống, trọng người đã qua như trọng người đang tồn tại. Để làm được như vậy, theo Khổng Tử, khi “cha còn sống phải xem xét chí của cha; cha chết rồi xem việc làm của cha, ba năm không thay đổi những lời cha đã dạy, như thế có thể gọi là hiếu vậy” (Luận Ngữ, Học nhi, tiết 11). *Thứ ba*, biết phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn sống. Điều đó có nghĩa là khi phụng dưỡng cha mẹ thì phải có sự kính cẩn, phải có lễ. Khổng Tử chỉ rõ: “Đời nay hễ thấy ai nuôi được cha mẹ thì người ta khen là người có hiếu. Nhưng những con thú như chó ngựa thì người ta cũng nuôi. Cho nên nuôi cha mẹ mà chẳng kính trọng thì có khác gì nuôi thú vật” (Luận Ngữ, Vi chính, tiết 7). Vì thế, việc phụng dưỡng cha mẹ là phải biết kính cẩn, chăm sóc cha mẹ. Khi cha mẹ còn sống thì không được đi chơi xa và có đi đâu cũng phải có phương hướng nhất định; phải biết giữ gìn thân thể mình để báo đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Khi cha mẹ đã mất, phải chôn cất cho có lễ, cúng tế cũng phải giữ cho đủ lễ. Theo Mạnh Tử, “Phụng dưỡng cha mẹ khi sinh tồn, đó chưa kể là việc lớn lao hơn hết của kẻ làm con. Tống táng cha mẹ cơn tử biệt, đó mới là việc trọng đại hơn hết của người hiếu tử” (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, tiết 13). Trong việc tang, theo Tử Du, chỉ có điều này là gốc: lòng đau thương chí cực.

Một mặt chỉ rõ nội dung của hiếu; mặt khác, Nho giáo cũng chỉ rõ những việc làm được coi là sự bất hiếu và đáng bị cả xã hội lên án. Những điều được Nho giáo

xem là bất hiếu gồm có: “Tay chân không chịu cử động để làm một công việc gì, chẳng đoái hoài đến việc nuôi dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ nhất vậy. Đánh bạc, đánh cờ, ham uống rượu, chẳng đoái đến việc nuôi dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ hai vậy. Ham mê của cải, chỉ lo liệu cho vợ con mà thôi, chẳng đoái đến việc nuôi dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ ba vậy. Tai ham nghe tiếng êm, mắt mê nhìn sắc đẹp, để cho cha mẹ tội hổ, đó là điều bất hiếu thứ tư vậy. Thích những việc dùng lực và tranh đấu bạo tợn, khiến cha mẹ phải nguy khốn, đó là điều bất hiếu thứ năm vậy” (Mạnh Tử, Ly lâu hạ, tiết 30). Như vậy, có thể nói, bất hiếu có ba điều lớn: Một là, làm những chuyện bậy bạ, khiến cho cha mẹ mang nhục. Hai là, nhà nghèo mà cha mẹ lại già yếu nhưng chẳng chịu ra làm quan để nuôi cha mẹ. Ba là, không có con nối dõi, khiến cho cha mẹ không có người hương khói. Trong ba điều bất hiếu ấy, Nho giáo coi việc không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất.

Cũng giống như quan hệ vua - tôi, quan hệ cha - con ngoài chiều thuận cũng có chiều nghịch. Ngoài nghĩa vụ mà người con phải làm đối với cha mẹ, Nho giáo cũng đòi hỏi cha mẹ phải có nghĩa vụ đối với con cái. Là người sinh thành ra con cái, không có bậc cha mẹ nào lại không thương yêu con cái mình. Song thương yêu con cái thôi không đủ. Ngoài tình thương yêu đó ra, Nho giáo còn đòi hỏi bậc làm cha làm mẹ: Thứ nhất, có nghĩa vụ dạy dỗ con cái mình nên người. Khi con cái còn nhỏ, phải lo lắng, chăm sóc cho con khôn lớn; khi con cái trưởng thành, phải dạy dỗ, uốn nắn và làm gương cho con cái để con cái biết đạo ứng xử làm người trong xã hội: biết trung với vua, biết hiếu với cha mẹ, biết kính với người trên, biết lễ với anh em, biết tín với bạn bè, biết thấy

việc nghĩa thì phải làm... Thứ hai, phải biết che chở, bảo vệ con cái, sẵn sàng bao che cho con cái khỏi phải tội lỗi.

Thứ ba, trong mối quan hệ vợ - chồng, Nho giáo đòi hỏi phải có sự hòa thuận. Điều đó có nghĩa là, trong một gia đình thì người chồng phải biết thương yêu vợ con, chăm lo cho vợ con và là chỗ dựa của vợ con. Ngược lại, người vợ phải biết chăm lo, vun vén cho gia đình mình và gia đình nhà chồng, phải biết nghe theo chồng một cách vô điều kiện. Nho giáo đề cao việc gia đình hòa thuận, coi thuận vợ thuận chồng là cái gốc của xã hội thái bình. Nhưng mặt khác, Nho giáo lại phản đối sự dân chủ trong gia đình. Với Nho giáo, gia đình là một cái nước nhỏ, trong đó người chồng là chúa tể của người vợ, chồng nói thì vợ phải theo. Do vậy, có thể nói, trong gia đình Nho giáo, thực tế người vợ không có một chút quyền hành nào. Họ chỉ là người chịu sự chỉ bảo, sai khiến của chồng và con. Để được khen là tiết hạnh, là thực nữ, họ phải tự ép mình tuân theo những quy định khắt khe trong tứ đức tam tông của Nho giáo: khi còn ở nhà thì chịu sự sai khiến của cha; đi lấy chồng chịu sự sai khiến của chồng; chồng chết chịu sự sai khiến của con.

Thứ tư, trong mối quan hệ anh - em, Nho giáo đòi hỏi phải có lễ. Điều đó có nghĩa là, anh em trong một nhà phải có tình thân mật. Là anh thì phải biết bao bọc, chở che cho em, phải biết nhường nhịn em; là em thì phải biết kính trọng anh, nghe lời anh. Về thực chất, quan hệ anh - em trong Nho giáo cũng giống như quan hệ cha - con. Bởi lẽ, xã hội của Nho giáo là xã hội của quyền huynh thế phụ. Trong xã hội đó, anh là người có quyền thay cha giải quyết mọi công việc đối nội cũng như đối ngoại của gia đình.

Thứ năm, trong mối quan hệ bạn bè, Nho giáo đề cao đức tín và đòi hỏi mọi

người phải giữ chữ tín trong giao tiếp. Nho giáo quan niệm đức tin là nền tảng của trật tự xã hội. Bạn bè mà không có lòng tin thì cũng không còn tình bạn, chính quyền mà không được dân chúng tin thì chính quyền sớm muộn cũng sẽ đổ. Vì thế, khi được Tử Cống hỏi về cách cai trị, Khổng Tử cho rằng, muốn cai trị tốt, nhà cầm quyền cần phải có ba điều kiện - đó là: một, lương thực phải có đủ để nuôi dân; hai, binh lực phải đủ để bảo vệ dân và ba, phải có được lòng tin cậy của dân đối với mình. Tử Cống lại hỏi tiếp: trong ba điều ấy, nếu bắt buộc phải bỏ bớt, thì nên bỏ ra điều nào trước. Khổng Tử đáp: bỏ binh lực. Tử Cống lại hỏi: còn lại hai điều là lương thực và lòng tin, nếu bắt buộc phải bỏ bớt, thì nên bỏ điều nào trước. Khổng Tử trả lời: bỏ lương thực. Bởi lẽ, theo Khổng Tử: "từ xưa đến nay, trong nước nếu thiếu lương thực thì xảy ra nạn chết đói; chớ dân mà không tin nhà cầm quyền thì chính phủ phải đổ" (Luận Ngữ, Nhan Uyên, tiết 7).

Như vậy, học thuyết luân lý, đạo đức của Nho giáo tuy nói là phản ánh năm mối quan hệ phổ biến trong xã hội, nhưng về thực chất và suy đến cùng, nó chỉ phản ánh hai mối quan hệ. Đó là mối quan hệ trong gia đình (bao gồm các mối quan hệ: cha - con; vợ - chồng; anh - em) và mối quan hệ ngoài xã hội (bao gồm các mối quan hệ: vua - tôi; bạn bè). Trong gia đình thì mối quan hệ cha - con là lớn nhất và nó được thể hiện bằng đạo hiếu. Song đạo hiếu lại chính là nguyên tắc cơ bản của chế độ tông pháp, chế độ gia trưởng. Trong xã hội thì mối quan hệ vua - tôi là quan trọng nhất và nó được thể hiện bằng đạo trung. Trung là nguyên tắc cơ bản của chế độ chính trị đẳng cấp. Vì thế, có thể nói, về thực chất, học thuyết luân lý và đạo đức xã hội của Nho giáo chính là sự thể hiện của đường lối chính trị phong

kiến đảng cấp và gia trưởng. Nho giáo coi học thuyết này là cái có thể giúp cho xã hội được ổn định, trật tự xã hội được khôi phục. Nho giáo quan niệm nhà mà yên thì nước sẽ yên, trong nhà mà có những người con có hiếu thì trong nước sẽ có các bề tôi trung thành.

Mặc dù đạo đức, luân lý của Nho giáo còn có nhiều hạn chế do điều kiện lịch sử đem lại, nó chỉ thấy con người xã hội mà không thấy con người của tự nhiên; mặc dù đạo đức, luân lý Nho giáo là thứ đạo đức luân lý phong kiến bảo thủ và lạc hậu, nó giống như “người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời”(1) và do vậy, ở một mức độ nhất định, nó đã làm cản bước tiến của lịch sử; song, cũng chính trong cái con người xã hội đó, Nho giáo đã để lại nhiều tư tưởng đáng để chúng ta xem xét và kế thừa. Bởi lẽ, con người chúng ta dù ở một xã hội nào cũng không thoát khỏi các mối quan hệ xã hội tự nhiên vốn có. Tư tưởng coi con người không phải chỉ là những thực thể tách rời, cô lập với nhau, mà là con người xã hội, về thực chất, là một tư tưởng khoa học. Tư tưởng này mãi đến giữa thế kỷ XIX mới được C.Mác chỉ rõ trong *Luận cương về Phoiơbắc*. C.Mác cho rằng, “trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” và nếu “quan điểm của chủ nghĩa duy vật cũ là xã hội “*công dân*”; quan điểm của chủ nghĩa duy vật mới là xã hội *loài người* hay loài người xã hội hoá”(2). Và, khi nói tới quan hệ xã hội, thì mối quan hệ đầu tiên phải kể đến là mối quan hệ gia đình. Nho giáo quan niệm một xã hội hòa thuận, trước hết cần có những gia đình hòa thuận. Một gia đình hòa thuận là một gia đình mà mọi thành viên trong đó luôn quan tâm chăm lo cho nhau. Trong gia đình đó, vợ chồng sống hòa thuận, thương yêu nhau, cùng nhau chăm lo nuôi dưỡng,

dạy dỗ con cái nên người và làm gương cho con cái noi theo. Con cái luôn hiếu kính với ông bà, cha mẹ; biết phụng dưỡng chăm sóc ông bà, cha mẹ; biết làm rạng rỡ cho ông bà, cha mẹ và không làm việc gì khiến ông bà, cha mẹ phải tủi hổ với hàng xóm láng giềng. Một gia đình hòa thuận còn là một gia đình mà anh em biết thương yêu, đùm bọc nhau, bảo ban nhau cùng tiến bộ. Một gia đình như thế cũng chính là một gia đình mà xã hội hiện nay đang đòi hỏi phải xây dựng cho được. Bởi lẽ, một xã hội ổn định và phát triển, trước hết phải dựa trên mỗi gia đình cụ thể. Chính gia đình là nơi nuôi dưỡng và cung cấp cho xã hội những con người có đức, có tài để xây dựng đất nước. Cũng chính gia đình là thành trì bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. “Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng trong giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách” và do vậy, “các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người”(3). Gia đình mới mà chúng ta xây dựng là một gia đình hòa thuận, dựa trên cơ sở dân chủ; vợ chồng, cha con, anh em tôn trọng nhau, cùng nhau bàn bạc và quyết định các vấn đề lớn của gia đình; trong gia đình đó không có chỗ cho tư tưởng gia trưởng, độc đoán.

Ngoài quan hệ gia đình là quan hệ xã hội. Trong quan hệ xã hội, đạo đức, luân lý Nho giáo đề cao trung và tín. Nho giáo đòi hỏi mọi người đều phải có tấm lòng trung và có đức tín. Theo Nho giáo, lòng

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t. 6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 320.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 11, 12

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 15.

trung và đức tín là nền tảng để bảo đảm sự ổn định và vững bền của chế độ. Một tình bạn sẽ tan vỡ, một chính quyền sẽ sụp đổ nếu không được xây dựng trên cơ sở của lòng trung và đức tín. Tất cả những nội dung luân lý, đạo đức đó của Nho giáo chính là những cái mà chúng ta cần phải kế thừa và phát huy, nhất là khi chúng ta đang tiến hành xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà ở đó, lòng trung và đức tín là những cái hết sức cần thiết. Bởi lẽ, muốn bảo vệ và giữ vững được chủ quyền của đất nước thì cần phải có lòng trung thành với Tổ quốc. Nếu ở Nho giáo, trung là trung với vua, thì ngày nay, trung là trung với nước, với dân. Lòng trung thành đó đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết đặt lợi ích của đất nước, của nhân dân lên trên lợi ích của mình. Trong quan hệ trên dưới, cán bộ cấp dưới phải biết giúp cán bộ cấp trên vạch ra các chính sách vì dân, có lợi cho dân cho nước. Trung đòi hỏi cán bộ cấp dưới tuyệt đối không được đối gạt cấp trên, “làm láo báo cáo hay”; không vào hùa với những sai phạm của cấp trên, không được khêu gợi cho cấp trên mắc sai phạm. Trung cũng đòi hỏi các cán bộ cấp trên phải biết tôn trọng cấp dưới; không được dựa vào quyền hành mà trù úm, đè nén cấp dưới; cán bộ cấp dưới để đạt và góp ý đúng thì phải nghe, không được vì động cơ cá nhân hay cậy quyền mà phớt lờ đi. Cấp trên phải biết quan tâm đến đời sống tinh thần và vật chất của cấp dưới, biết hòa đồng cùng cấp dưới. Trung cũng đòi hỏi các cán bộ phải là “người đầy tớ của nhân dân”, phải biết lo trước cái lo của dân, vui sau cái vui của dân. Ngoài đức trung, trong mối quan hệ giữa người với người, Nho giáo còn đề cao đức tín. Theo Nho giáo, không thể có một xã hội ổn định và có trật tự khi mà mọi người luôn tìm cách lừa lọc nhau để vơ lấy cái lợi

về mình. Tín là cơ sở của một xã hội ổn định và là động lực cho nền kinh tế phát triển lành mạnh. Mất tín nhiệm là mất tất cả. Nhà buôn mất tín nhiệm sẽ dẫn đến phá sản; chính quyền mất tín nhiệm sẽ sụp đổ, xã hội không có đức tín sẽ hỗn loạn. Vì lẽ đó, Nho giáo quan niệm trong quan hệ xã hội thì trung và tín là quan trọng nhất.

Ở nước ta, trong điều kiện nền kinh tế thị trường mà sự phân hóa giàu nghèo và sự phân tầng xã hội đang diễn ra hàng ngày, việc chạy theo đồng tiền, tìm kiếm lợi nhuận tối đa của các doanh nghiệp là điều không tránh khỏi; cùng với việc chạy theo đồng tiền là nạn tham nhũng, lừa đảo trong kinh doanh. Tất cả những cái đó đang kìm hãm sự phát triển kinh tế, làm mất an ninh xã hội và làm băng hoại các giá trị luân lý, đạo đức truyền thống. Đúng như nhận định của Đảng ta tại Đại hội lần thứ IX: “Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”(4). Vì thế, hơn lúc nào hết, chúng ta cần nâng cao đạo đức cách mạng, phát huy những giá trị đạo đức truyền thống. Một trong những giá trị đạo đức truyền thống đó chính là luân lý, đạo đức của Nho giáo về gia đình, về xã hội. Đó là: Tư tưởng về lòng hiếu thảo và kính trọng với ông bà, cha mẹ cũng như những người lớn tuổi; tư tưởng về anh chị em phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, bảo ban nhau cùng tiến bộ; tư tưởng về bạn bè phải biết tin nhau, biết thương người như thể thương thân, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong hoạn nạn; tư tưởng về lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết...□

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 76.